TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ** Bản án số: 05/2023/DS – ST Ngày 06 tháng 4 năm 2023 V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng.
  - ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXX-ST ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng C**;

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Tiến S – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: **Bà Hoàng Thị D**, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Dùng 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dậu: ông Bùi Đức D1 – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền cho Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền lại cho Nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/8/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng số 181221.HĐTD cho bà Hoàng Thị D vay số tiền 84.000.000 đồng; mục đích vay: để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài của người lao động theo hợp đồng số 126/HĐVV-ĐL; lãi suất: 6,6%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; lãi suất quá hạn: 8,58%/năm; thời hạn vay: 34 tháng (ngày đến hạn là 05/6/2021); định kỳ hạn trả nợ gốc: 06 tháng/ lần vào ngày 05.

Thực hiện hợp đồng, bà D đã nhận số tiền 84.000.000 đồng tại Ngân hàng. Bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến thời hạn trả nợ nhưng không trả đủ cho Ngân hàng. Ngày 05/11/2022, hợp đồng tín dụng của bà D đã được Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử (ngày 06/4/2023), bà D trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng; còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 24.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: là 13.836.197 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.346 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu bà trả nợ, nhưng bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Yêu cầu bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng* số 181221/HĐTD ngày 14/8/2018 *tính đến ngày 06/4/2023 với tổng số tiền là: 38.116.543 đồng. Trong đó: nợ gốc là 24.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.836.197 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.346 đồng.*
- *Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong.*

[2]. Phía bị đơn, bà Hoàng Thị D trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà D thừa nhận đã ký hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là đúng. Bà cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn như Ngân hàng trình bày là đúng.

Về nghĩa vụ trả nợ, bà D xác định trách nhiệm trả nợ theo như số tiền mà Ngân hàng đã yêu cầu. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn, bà D xin được gia hạn, trả dần số tiền còn nợ cho Ngân hàng, đến cuối năm 2023 bà sẽ trả đủ.

[3]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông D1 vắng mặt, có bài phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà D được trả dần do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử, quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng C có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" với bà Hoàng Thị D, thường trú tại khu B 1, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ; hiện nay bà D đã chuyển đến ở tại khu D, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Về sự vắng mặt của Nguyên đơn, Bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng và yêu cầu của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng và bà Hoàng Thị D đều thừa nhận ngày 14/8/2018 hai bên ký hết hợp đồng tín dụng với nội dung bà Hoàng Thị D vay của Ngân hàng số tiền 84.000.000 đồng; mục đích vay: để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài của người lao động theo hợp đồng số 126/HĐVV-ĐL; lãi suất: 6,6%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; lãi suất quá hạn: 8,58%/năm; thời hạn vay: 34 tháng (ngày đến hạn là 05/6/2021); Định kỳ hạn trả nợ gốc: 06 tháng/ lần vào ngày 05.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và bà D trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch được thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà D sang nợ quá hạn vào ngày 05/11/2022, sau nhiều lần gia hạn cho bà D. Đến ngày 06/4/2023, bà D trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng; còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 38.116.543 đồng. Trong đó: nợ gốc là 24.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.836.197 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.346 đồng. Bà D thừa nhận việc vi phạm hợp đồng như phần trình bày của Ngân hàng là đúng và cho rằng, kinh tế khó khăn nên bà chưa có điều kiện để trả tiền nợ cho Ngân hàng. Bà đề nghị được gia hạn và trả dần khoản nợ đến cuối năm 2023 bà sẽ trả hết, tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng giữ nguyên quan điểm, yêu cầu bà D trả một lần và trả toàn bộ số tiền còn nợ ngay.

Xét thấy, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà D phải trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự và các Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính đến ngày 06/4/2023 là: 38.116.543 đồng. Trong đó: nợ gốc là 24.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.836.197 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.346 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong.

2.2. Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Hoàng Thị D phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Tuy nhiên, bà D có đơn xin miễn nộp tiền án phí với lý do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), hiện sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn (khu Dùng 2, xã Thạch Kiệt, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo Danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Phú Thọ giai đoại 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí cho bà D là phù hợp điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều: 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp tín dụng của Ngân hàng C đối với bà Hoàng Thị D.

Buộc bà Hoàng Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Phú Thọ tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 119/HĐLĐ/-VILUT ngày 14/8/2018 là: 38.116.543 đồng (ba mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng. Trong đó: nợ gốc là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng); nợ lãi trong hạn là 13.836.197 đồng (mười ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm chín mươi bảy đồng); nợ lãi quá hạn là 280.346 đồng (hai trăm tám mươi nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị D.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai